

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14-VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 – 2026

“V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hùng

Ông Trần Văn Yên

Thư ký phiên toà: Ông Trần Minh Trung, Thư ký- Toà án nhân dân khu vực 14-Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14-Vĩnh Long tham gia phiên toà:
Ông Kim Mau- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị D, sinh ngày 14/4/1977. Địa chỉ: Ấp L, xã N, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch S (Thạch Sol); sinh ngày 15/6/1964. Địa chỉ: H Palm Lake Dr O, USA (Hoa kỳ) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2026 nguyên đơn bà Thạch Thị D trình bày: Vào năm 2002, bà và ông Thạch S quen biết nhau và qua thời gian tìm hiểu nên bà và ông S tự nguyện tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư Pháp tỉnh Trà Vinh (nay là Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 11/3/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được khoảng 01 tháng thì ông S trở về Hoa kỳ sinh sống cho đến nay, bà có thường xuyên liên lạc gọi điện thoại cho ông S nhưng mỗi lần gọi nói chuyện với nhau thì vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được với nhau mặc dù được hai bên gia đình tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích

hôn nhân không đạt được, vì vậy bà yêu cầu giải quyết về hôn nhân cho bà được ly hôn với ông Thạch S; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch S có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn đồng ý ly hôn với bà D; con chung; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bà Thạch Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và ông Thạch S đang ở nước ngoài nên căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 207; 228, 238; 469; 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị D; Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Thạch S; về con chung, tài sản chung, nợ chung bà D và ông S khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, buộc bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Thạch S nên đây là vụ kiện “*tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Thạch S có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại đang sinh sống tại N, Hoa Kỳ, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hiện tại ông Thạch S đang sinh sống tại N, Hoa Kỳ, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho ông Thạch S đã nhận được nhưng do ông S ở nước ngoài không về Việt Nam và đã làm đơn xin xét xử vắng mặt được hợp thức hóa Lãnh sự quán Việt Nam tại nước ngoài và tại đơn xin xét xử vắng mặt ý kiến của ông Thạch S đồng ý ly hôn với bà D, con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông S.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị D và ông Thạch S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (nay là Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 11/3/2002 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông S là hợp pháp. Theo bà D trình bày sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung được khoảng 01 tháng thì ông S trở về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay, tuy nhiên bà D cũng thường xuyên gọi điện thoại cho ông S nhưng do bất đồng quan điểm sống nên bà và ông S luôn xảy ra cự cãi nhau và ông S không trở về Việt Nam nữa, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà D yêu cầu được ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà D và ông Thạch S khó có thể hàn gắn lại được do ông Thạch S không có mặt tại V, hiện tại ông S đang sinh sống tại N, Hoa Kỳ và biết được bà D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn được Tòa án gửi giấy mời ông S nhận được nhưng ông S không về Việt Nam và làm đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn ông S đồng ý ly hôn với bà D, vì giữa hai người không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà D và đơn xin xét xử vắng mặt của ông S có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông S không thể kéo dài do các bên không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà D yêu cầu ly hôn với ông Thạch S là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, cho bà D được ly hôn với ông Thạch S.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị D và ông Thạch S khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 207; 228; 238, 271; 273; 278; 280; 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Thạch S.

2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Thạch Thị D và ông Thạch S khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng, buộc bà Thạch Thị D phải chịu, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0004283, ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thì bà D đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Thạch Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Ông Thạch S1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14-Vĩnh Long;
- Phòng THA dân sự khu vực 14-Vĩnh Long;
- UBND xã (phường);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh

